

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)

Công ty thành viên của JPA International

Địa chỉ: 090225328, Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, TP HCM

Chi nhánh Đà Nẵng: 05 Trần Quốc Toàn, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email: [info@vietvalues.com](mailto:info@vietvalues.com)

Website: [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM





**MỤC LỤC**

| <b>Nội dung</b>  | <b>Trang</b> |
|--|--------------|
| 1. Báo cáo của Hội đồng quản trị   | 02 - 04      |
| 2. Báo cáo kiểm toán độc lập   | 05 - 06      |
| 3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024                                    | 07 - 08      |
| 4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc<br>ngày 31 tháng 12 năm 2024  | 09           |
| 5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc<br>ngày 31 tháng 12 năm 2024    | 10           |
| 6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc<br>ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 11 - 43      |

---



# CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo của Hội đồng quản trị**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bông Việt Nam trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

### 1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Bông Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 3587/QĐ-BCN ngày 13 tháng 12 năm 2006 về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Bông Việt Nam thành Công ty Cổ phần Bông Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301225328, đăng ký lần đầu ngày 18/06/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/07/2022.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là BVN.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 31/12/2024: 50.000.000.000 đồng

### 2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (028) 38992667 – 38992668
- Fax : (028) 38992861
- Email : [bongvietnamvcc@gmail.com](mailto:bongvietnamvcc@gmail.com)

### 3. Ngành nghề kinh doanh chính

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê kho, bãi. Cho thuê văn phòng;
- Sản xuất điện. Chi tiết: Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời;
- Truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Bán điện năng lượng mặt trời.

### 4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### 4.1 Hội đồng quản trị

| Họ và tên             | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-----------------------|------------|----------------------------|-----------------|
| Ông Trương Văn Dũng   | Chủ tịch   | 12/04/2023                 |                 |
| Bà Nguyễn Phương Thảo | Thành viên | 12/04/2023                 |                 |
| Bà Trương Thị Dung    | Thành viên | 12/04/2023                 |                 |



## **CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM**

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo của Hội đồng quản trị**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

### **4.2. Ban kiểm soát**

| Họ và tên               | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-------------------------|------------|----------------------------|-----------------|
| Ông Trần Nguyên Dương   | Trưởng ban | 12/04/2023                 |                 |
| Bà Nguyễn Thị Minh Hồng | Thành viên | 12/04/2023                 |                 |

### **4.3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

| Họ và tên             | Chức vụ         | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-----------------------|-----------------|----------------------------|-----------------|
| Ông Nguyễn Tấn Văn    | P.Tổng Giám đốc | 01/01/2023                 |                 |
| Bà Nguyễn Phương Thảo | P.Tổng Giám đốc | 01/06/2023                 |                 |
| Ông Lê Xuân Hòa       | Kế toán trưởng  | 10/03/2020                 |                 |

Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty chưa bổ nhiệm Tổng Giám đốc, tất cả các hoạt động liên quan trong năm tài chính đều do Chủ tịch HĐQT Công ty điều hành.

## **5. Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên           | Chức vụ                    |
|---------------------|----------------------------|
| Ông Trương Văn Dũng | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |

## **6. Đánh giá tình hình hoạt động**

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bông Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 43.

## **7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc niên độ cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

## **8. Kiểm toán viên**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

## **9. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị đã:



## **CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM**

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo của Hội đồng quản trị**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **10. Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**TRƯƠNG VĂN DŨNG**

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

TP Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2025





Số: 19/2025/BCKT/AUD-DNVVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bông Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17 tháng 03 năm 2025, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bông Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



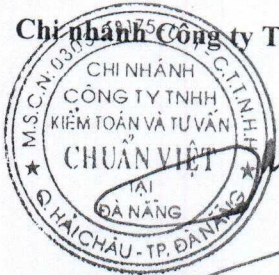
**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VIII.4, trong năm Công ty vẫn chưa bổ nhiệm Tổng Giám đốc. Các hoạt động của Công ty đều do Chủ tịch Hội đồng quản trị và các Phó Tổng Giám đốc điều hành.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

TP. Đà Nẵng, ngày 17 tháng 03 năm 2025

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- VIETVALUES**



**Trần Xuân Thạnh – Giám đốc Chi nhánh**

Giấy CNDKHN số: 1650-2023-071-1

Chữ ký được ủy quyền

**Trần Quốc Bảo - Kiểm toán viên**

Giấy CNDKHN số: 5199-2021-071-1

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.





**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

DVT: VND

| Mã số      | TÀI SẢN                                      | Thuyết minh  | Số cuối năm (ngày 31/12/2024) | Số đầu năm (ngày 01/01/2024) |
|------------|--|--------------|-------------------------------|------------------------------|
| 1          | 2  | 3            | 4                             | 5                            |
| <b>100</b> | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   |              | <b>32.143.336.146</b>         | <b>15.752.821.647</b>        |
| <b>110</b> | <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>V.1</b>   | <b>2.675.288.257</b>          | <b>1.537.555.118</b>         |
| 111        | 1. Tiền                                      |              | 2.675.288.257                 | 1.537.555.118                |
| 112        | 2. Các khoản tương đương tiền                |              | -                             | -                            |
| <b>120</b> | <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | <b>V.12a</b> | <b>24.109.370.466</b>         | <b>3.315.600.720</b>         |
| 121        | 1. Chứng khoán kinh doanh                    |              | 27.309.060.717                | 3.318.552.720                |
| 122        | 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh  |              | (3.199.690.251)               | (2.952.000)                  |
| <b>130</b> | <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      |              | <b>4.759.252.431</b>          | <b>10.058.767.583</b>        |
| 131        | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | V.2          | 16.813.203.684                | 17.219.288.107               |
| 132        | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | V.3          | 5.995.271.751                 | 11.066.918.668               |
| 136        | 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | V.4          | 5.283.356.765                 | 5.121.012.878                |
| 137        | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | V.5          | (23.604.359.477)              | (23.620.231.778)             |
| 139        | 5. Tài sản thiếu chờ xử lý                   |              | 271.779.708                   | 271.779.708                  |
| <b>140</b> | <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>V.6</b>   | <b>578.217.375</b>            | <b>242.308.998</b>           |
| 141        | 1. Hàng tồn kho                              |              | 578.217.375                   | 242.308.998                  |
| 149        | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)        |              | -                             | -                            |
| <b>150</b> | <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              |              | <b>21.207.617</b>             | <b>598.589.228</b>           |
| 151        | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | V.7a         | 14.001.665                    | 39.596.117                   |
| 152        | 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ       |              | 132.300                       | 291.032.823                  |
| 153        | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | V.15         | 7.073.652                     | 267.960.288                  |
| <b>200</b> | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    |              | <b>91.068.781.585</b>         | <b>92.592.469.539</b>        |
| <b>210</b> | <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         |              | <b>-</b>                      | <b>-</b>                     |
| <b>220</b> | <b>II. Tài sản cố định</b>                   |              | <b>43.353.911.904</b>         | <b>45.662.472.932</b>        |
| 221        | 1. Tài sản cố định hữu hình                  | V.8          | 41.609.894.666                | 44.341.757.293               |
| 222        | - Nguyên giá                                 |              | 92.011.120.598                | 84.500.884.249               |
| 223        | - Giá trị hao mòn lũy kế                     |              | (50.401.225.932)              | (40.159.126.956)             |
| 227        | 2. Tài sản cố định vô hình                   | V.9          | 1.744.017.238                 | 1.320.715.639                |
| 228        | - Nguyên giá                                 |              | 2.342.928.266                 | 1.926.168.015                |
| 229        | - Giá trị hao mòn lũy kế                     |              | (598.911.028)                 | (605.452.376)                |
| <b>230</b> | <b>III. Bất động sản đầu tư</b>              | V.10         | <b>20.309.236.924</b>         | <b>24.009.577.508</b>        |
| 231        | - Nguyên giá                                 |              | 62.450.451.495                | 61.259.298.718               |
| 232        | - Giá trị hao mòn lũy kế                     |              | (42.141.214.571)              | (37.249.721.210)             |
| <b>240</b> | <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>           |              | <b>20.706.705.386</b>         | <b>16.101.068.537</b>        |
| 241        | 1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn              |              | -                             | -                            |
| 242        | 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           | V.11         | 20.706.705.386                | 16.101.068.537               |
| <b>250</b> | <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>           | <b>V.12b</b> | <b>5.934.308.606</b>          | <b>6.023.278.983</b>         |
| 252        | 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết   |              | 6.524.366.514                 | 6.524.366.514                |
| 253        | 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác            |              | 2.189.483.647                 | 2.189.483.647                |
| 254        | 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn         |              | (2.779.541.555)               | (2.690.571.178)              |
| <b>260</b> | <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>              |              | <b>764.618.765</b>            | <b>796.071.579</b>           |
| 261        | 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | V.7b         | 746.824.690                   | 796.071.579                  |
| 262        | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại            |              | 17.794.075                    | -                            |
| <b>270</b> | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     |              | <b>123.212.117.731</b>        | <b>108.345.291.186</b>       |



CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

| Mã số | NGUỒN VỐN                                      | Thuyết minh | Số cuối năm (ngày 31/12/2024) | Số đầu năm (ngày 01/01/2024) |
|-------|--|-------------|-------------------------------|------------------------------|
| 1     | 2  | 3           | 4                             | 5                            |
| 300   | C. NỢ PHẢI TRẢ                                 |             | 16.567.652.195                | 16.532.014.513               |
| 310   | I. Nợ ngắn hạn                                 |             | 10.374.167.595                | 16.532.014.513               |
| 311   | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                 | V.13        | 724.335.863                   | 756.596.356                  |
| 312   | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn           | V.14        | 239.212.490                   | 240.736.675                  |
| 313   | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước         | V.15        | 1.600.676.129                 | 372.120.915                  |
| 314   | 4. Phải trả người lao động                     | V.16        | 264.008.565                   | 276.988.150                  |
| 315   | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                   | V.17        | 381.474.139                   | 358.053.786                  |
| 318   | 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn           |             | -                             | 90.918.182                   |
| 319   | 7. Phải trả ngắn hạn khác                      | V.18a       | 5.472.941.120                 | 11.571.579.036               |
| 320   | 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn           | V.19        | 1.650.000.000                 | 2.823.502.124                |
| 322   | 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                   | V.20        | 41.519.289                    | 41.519.289                   |
| 330   | II. Nợ dài hạn                                 |             | 6.193.484.600                 | -                            |
| 337   | 1. Phải trả dài hạn khác                       | V.18b       | 6.193.484.600                 | -                            |
| 338   | 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn            |             | -                             | -                            |
| 400   | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU                              |             | 106.644.465.536               | 91.813.276.673               |
| 410   | I. Vốn chủ sở hữu                              | V.21        | 106.644.465.536               | 91.813.276.673               |
| 411   | 1. Vốn góp của chủ sở hữu                      |             | 50.000.000.000                | 50.000.000.000               |
| 411a  | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       |             | 50.000.000.000                | 50.000.000.000               |
| 411b  | - Cổ phiếu ưu đãi                              |             | -                             | -                            |
| 418   | 2. Quỹ đầu tư phát triển                       |             | 5.308.150.950                 | 5.308.150.950                |
| 421   | 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           |             | 46.370.844.187                | 31.539.655.324               |
| 421a  | - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước |             | 31.539.655.324                | 14.632.100.304               |
| 421b  | - LNST chưa phân phối kỳ này                   |             | 14.831.188.863                | 16.907.555.020               |
| 422   | 4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản            |             | 4.965.470.399                 | 4.965.470.399                |
| 430   | II. Nguồn kinh phí và quỹ khác                 |             | -                             | -                            |
| 440   | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN                            |             | 123.212.117.731               | 108.345.291.186              |

Người lập biểu

LÊ XUÂN HÒA

Kế toán trưởng

LÊ XUÂN HÒA

TP Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



TRƯƠNG VĂN DŨNG





**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

DVT: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm nay        | Năm trước      |
|-------|--|-------------|----------------|----------------|
| 1     | 2  | 3           | 4              | 5              |
| 01    | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | VI.1        | 50.729.698.023 | 49.378.345.344 |
| 02    | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | VI.1        | -              | -              |
| 10    | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | VI.1        | 50.729.698.023 | 49.378.345.344 |
| 11    | 4. Giá vốn hàng bán                                | VI.2        | 21.334.761.926 | 19.978.192.310 |
| 20    | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   |             | 29.394.936.097 | 29.400.153.034 |
| 21    | 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | VI.3        | 1.878.434.825  | 458.488.377    |
| 22    | 7. Chi phí tài chính                               | VI.4        | 3.622.216.048  | 1.279.168.037  |
| 23    | - Trong đó: Chi phí lãi vay                        |             | 212.364.200    | 1.274.126.424  |
| 25    | 8. Chi phí bán hàng                                | VI.5        | 275.472.451    | 82.526.816     |
| 26    | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | VI.6        | 8.812.364.816  | 7.631.952.604  |
| 30    | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        |             | 18.563.317.607 | 20.864.993.954 |
| 31    | 11. Thu nhập khác                                  | VI.7        | 275.396.442    | 3.439.964      |
| 32    | 12. Chi phí khác                                   | VI.8        | 152.952.931    | 278.383.071    |
| 40    | 13. Lợi nhuận khác                                 |             | 122.443.511    | (274.943.107)  |
| 50    | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              |             | 18.685.761.118 | 20.590.050.847 |
| 51    | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | V.16        | 3.872.366.330  | 3.487.495.827  |
| 52    | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | V.16        | (17.794.075)   | 195.000.000    |
| 60    | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       |             | 14.831.188.863 | 16.907.555.020 |
| 70    | 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | VI.9        | 2.966          | 3.382          |
| 71    | 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | VI.10       | 2.966          | 3.382          |

Người lập biểu

*[Signature]*

LÊ XUÂN HÒA

Kế toán trưởng

*[Signature]*

LÊ XUÂN HÒA

TP Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



*[Signature]*

TRƯƠNG VĂN DŨNG



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

ĐVT: VNĐ

| Mã số | Chỉ tiêu   | Thuyết minh | Năm nay                | Năm trước               |
|-------|--|-------------|------------------------|-------------------------|
| 1     | 2  | 3           | 4                      | 5                       |
|       | <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>  |             |                        |                         |
| 01    | 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác                                |             | 87.903.287.454         | 55.821.860.747          |
| 02    | 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ                                       |             | (65.740.101.772)       | (11.756.620.270)        |
| 03    | 3. Tiền chi trả cho người lao động   |             | (3.746.341.752)        | (3.175.523.446)         |
| 04    | 4. Tiền lãi vay đã trả   |             | (76.486.600)           | (2.071.094.076)         |
| 05    | 5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | V.18, VI.4  | (3.542.763.395)        | -                       |
| 06    | 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh   | V.15        | 10.237.226.560         | 4.444.000.956           |
| 07    | 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh  |             | (14.576.921.640)       | (8.055.867.329)         |
| 20    | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       |             | <b>10.457.898.855</b>  | <b>35.206.756.582</b>   |
|       | <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>   |             |                        |                         |
| 21    | 1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                           |             | (8.185.639.626)        | (16.965.565.115)        |
| 22    | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                       |             | -                      | 227.272.727             |
| 23    | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác                                |             | -                      | -                       |
| 24    | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            |             | -                      | -                       |
| 25    | 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   |             | -                      | -                       |
| 26    | 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   |             | -                      | -                       |
| 27    | 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | VI.3        | 39.396.034             | 424.209.897             |
| 30    | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   |             | <b>(8.146.243.592)</b> | <b>(16.314.082.491)</b> |
|       | <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>   |             |                        |                         |
| 31    | 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             |             | -                      | -                       |
| 32    | 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành |             | -                      | -                       |
| 33    | 3. Tiền thu từ đi vay  |             | -                      | -                       |
| 34    | 4. Tiền trả nợ gốc vay   | VII.1       | (1.173.502.124)        | (20.010.000.000)        |
| 35    | 5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính  |             | (420.000)              | (17.100.000)            |
| 36    | 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   |             | (1.173.922.124)        | (20.027.100.000)        |
| 40    | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  |             | <b>1.137.733.139</b>   | <b>(1.134.425.909)</b>  |
| 50    | <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>  |             | <b>1.537.555.118</b>   | <b>2.671.981.027</b>    |
| 60    | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ  |             |                        |                         |
| 61    | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    |             |                        |                         |
| 70    | <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>                                      | V.I         | <b>2.675.288.257</b>   | <b>1.537.555.118</b>    |

Người lập biểu

LÊ XUÂN HÒA

Kế toán trưởng

LÊ XUÂN HÒA

TP Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



TRƯƠNG VĂN DỪNG



# **CÁC TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG**

- 1. V/v PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2024**
- 2. V/v KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2025**
- 3. V/v CHI THÙ LAO CHO HĐQT, BKS NĂM 2025**
- 4. V/v CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BCTC NĂM 2025**
- 5. V/v ĐẦU TƯ DỰ ÁN CĂN HỘ DỊCH VỤ**
- 6. V/v BỔ SUNG NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**



Số: 01 /TTr-HĐQT-BVN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 4 năm 2025

**TỜ TRÌNH**

V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2024

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP BÔNG VIỆT NAM

- Căn cứ luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành của Chính phủ.  
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Bông Việt Nam;  
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT-BVN ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng quản trị.  
- Căn cứ kết quả SXKD của công ty năm 2024.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng.

| Stt | Chỉ tiêu                                      | Theo ĐH cổ đông 2024 | Thực hiện 2024 |
|-----|---|----------------------|----------------|
| 1   | Lợi nhuận trước thuế theo kiểm toán           | 20.000               | 18.563,32      |
| 2   | Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp           | 4.000                | 3.872,37       |
| 3   | Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại           |                      | (17,79)        |
| 4   | Lợi nhuận còn lại sau thuế                    | 16.000               | 14.831,18      |
| 5   | Lợi nhuận còn lại từ các năm trước            | 31.539,66            | 31.539,66      |
| 6   | Lợi nhuận còn lại 2024 (4+5)                  | 47.539,66            | 46.370,84      |
| 6.1 | Trích quỹ khen thưởng & phúc lợi Công ty (2%) | 0                    | 0              |
| 6.2 | Trích quỹ phát triển sản xuất                 | 0                    | 0              |
| 6.3 | Trích quỹ thưởng HĐQT, BKS, BDH               | 0                    | 0              |
| 6.5 | Chi trả cổ tức                                | 0                    | 0              |
|     | - Từ Lợi nhuận của các năm                    | 0                    | 0              |
|     | - Tỷ lệ % chia cổ tức /Vốn điều lệ            | 0                    | 0              |
| 7   | Lợi nhuận còn lại chưa phân phối 2024         | 47.539,66            | 46.370,84      |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét và thông qua. Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS Cty
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



TRƯƠNG VĂN DŨNG



Số: 02 /TTr-HĐQT-BVN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 4 năm 2025

## TỜ TRÌNH

V/v: kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP BÔNG VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành của Chính phủ.
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Bông Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT-BVN ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng quản trị.
- Căn cứ kế hoạch SXKD của công ty năm 2025.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Tờ trình về việc kế hoạch phân phối lợi nhuận 2025 như sau:

Đơn vị tính: đồng.

| Stt | Chỉ tiêu  | Theo ĐH cổ đông<br>(triệu đồng) |
|-----|---|---------------------------------|
| 1   | Lợi nhuận trước thuế                              | 20.000,00                       |
| 2   | Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp               | 4.000,00                        |
| 3   | Lợi nhuận còn lại sau thuế                        | 16.000,00                       |
| 4   | Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 46.370,84                       |
| 5   | Lợi nhuận còn lại chưa phân phối 2025 để lại      | 62.370,84                       |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS,
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



TRƯƠNG VĂN DŨNG



Số: 03 /TTr-HĐQT-BVN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 4 năm 2025

## TỜ TRÌNH

V/v: Mức thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP BÔNG VIỆT NAM

- Căn cứ luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành của Chính phủ.
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Bông Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT-BVN ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng quản trị.
- Căn cứ kết quả SXKD của công ty năm 2025.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Tờ trình về việc mức thù lao và tiền lương tháng cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025 như sau:

| Stt | Chức danh         | Mức thù lao<br>(đồng/tháng) | Số<br>tháng | Số tiền một<br>năm (đồng) |
|-----|-------------------|-----------------------------|-------------|---------------------------|
| I   | Hội đồng Quản trị |                             |             | 108.000.000               |
| 1   | Chủ tịch HĐQT     | 4.000.000                   | 12          | 48.000.000                |
| 2   | Ủy viên HĐQT- 1   | 2.000.000                   | 12          | 24.000.000                |
| 3   | Ủy viên HĐQT- 2   | 2.000.000                   | 12          | 24.000.000                |
| 4   | Thư ký HĐQT       | 1.000.000                   | 12          | 12.000.000                |
| II  | Ban Kiểm soát     |                             |             | 60.000.000                |
| 1   | Trưởng BKS        | 4.000.000                   | 12          | 48.000.000                |
| 2   | Kiểm soát viên    | 1.000.000                   | 12          | 12.000.000                |
| III | Cộng              |                             |             | 168.000.000               |

(Một trăm sáu mươi tám triệu đồng chẵn)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét và thông qua.  
Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS Cty
- Lưu VT, HĐQT.



TRƯƠNG VĂN DŨNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG  
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 04/TTr-HĐQT-BVN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 4 năm 2025

## **TỜ TRÌNH**

**V/v: Lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập để thực hiện việc  
kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty**

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP BÔNG VIỆT NAM**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành của Chính phủ.
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Bông Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT-BVN ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng quản trị.
- Căn cứ đề xuất của Ban Kiểm soát về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông tờ trình lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập để thực hiện việc kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty như sau:

Lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập là Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán & tư vấn Chuẩn Việt – Chi nhánh Đà Nẵng để thực hiện việc Kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS Cty
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**TRƯƠNG VĂN DŨNG**



Số: 05 /TTr-HĐQT-BVN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 4 năm 2025

## TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua chủ trương đầu tư xây dựng căn hộ dịch vụ tại Long Thành,  
Đồng Nai

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP BÔNG VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành của Chính phủ.
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Bông Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT-BVN ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua “Dự án đầu tư xây dựng căn hộ dịch vụ tại Long Thành, Đồng Nai” với các nội dung chính như sau:

### I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

- Tên dự án: Công trình xây dựng căn hộ dịch vụ
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Bông Việt Nam
- Địa điểm xây dựng: Xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
- Quy mô: 2.000m<sup>2</sup>
- Tổng mức đầu tư của dự án: 100 tỷ đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Công ty tự chủ và một phần vốn vay
- Thời gian thực hiện: Từ năm 2024-2027

### II. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

- Thông qua chủ trương đầu tư “Dự án đầu tư xây dựng căn hộ dịch vụ tại Long Thành, Đồng Nai” theo các nội dung đã nêu trên.
- Giao và ủy quyền cho HĐQT toàn quyền quyết định các nội dung khác và triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định về pháp luật và Điều lệ công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS Cty
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



TRƯƠNG VĂN DŨNG



Số: 06 /TTr-HĐQT-BVN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2025

**TỜ TRÌNH**

V/v: Thông qua bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP BÔNG VIỆT NAM**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành của Chính phủ.
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Bông Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT-BVN ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua nội dung sau:

Qua rà soát ngành nghề kinh doanh, để phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc bổ sung một số ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

**I. BỔ SUNG NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH SAU:**

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung  | Mã ngành |
|-----|--|----------|
| 01  | Xây dựng nhà để ở  | 4101     |
| 02  | Xây dựng nhà không để ở  | 4102     |
| 03  | Phá dỡ   | 4311     |
| 04  | Chuẩn bị mặt bằng  | 4312     |
| 05  | Lắp đặt hệ thống điện  | 4321     |
| 06  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí  | 4322     |
| 07  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác   | 4329     |
| 08  | Hoàn thiện công trình xây dựng   | 4330     |
| 09  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác  | 4390     |
| 10  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711     |
| 11  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp   | 4719     |
| 12  | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh  | 4721     |
| 13  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh   | 4722     |
| 14  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh   | 4723     |
| 15  | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh  | 4724     |
| 16  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ  | 5225     |
| 17  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động   | 5610     |





|    |   |      |
|----|---|------|
| 18 | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng  | 5621 |
| 19 | Dịch vụ phục vụ đồ uống   | 5630 |
| 20 | Hoạt động của trụ sở văn phòng  | 7010 |
| 21 | Hoạt động tư vấn quản lý  | 7020 |
| 22 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Hoạt động kiến trúc; hoạt động đo đạc và bản đồ; hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác; tư vấn lập quy hoạch xây dựng; tư vấn lập dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng; thiết kế xây dựng công trình; thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng; khảo sát xây dựng; giám sát thi công xây dựng công trình; tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; tư vấn lựa chọn nhà thầu; tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy | 7110 |
| 23 | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật  | 7120 |
| 24 | Hoạt động thiết kế chuyên dụng  | 7410 |
| 25 | Cho thuê xe có động cơ  | 7710 |
| 26 | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí   | 7721 |
| 27 | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác   | 7729 |
| 28 | Giáo dục thể thao và giải trí   | 8551 |
| 29 | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục   | 8560 |
| 30 | Hoạt động của các cơ sở thể thao  | 9311 |
| 31 | Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao   | 9312 |
| 32 | Hoạt động thể thao khác   | 9319 |
| 33 | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề   | 9321 |
| 34 | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu   | 9329 |

## II. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Sửa đổi Điều 5 về ngành, nghề kinh doanh của Công ty tại Điều lệ Công ty phản ánh việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh tại mục I ở trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS Cty
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**TRƯƠNG VĂN DŨNG**